| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CẨM THUỶ**<br>**TỈNH THANH HOÁ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Số: 147/2024/QĐST- HNGĐ C, *ngày 23 tháng 10 năm 2024*

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều Điều 88,89, 90,91, 101 và Điều 102 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 146/2024/TB-TLVA ngày 03 tháng 10 năm 2024.

## XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn : Chị Phạm Thi Đ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn : Anh Lê Văn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Làng N, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

**2.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Phạm Thị Đ1, anh Lê Văn T và anh Phạm Văn H thống nhất xác định anh Lê Văn T, sinh năm 1987, nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa là cha đẻ của

cháu Phạm Minh A, sinh ngày 23/10/2020 theo Phiếu kết quả phân tích AND ngày 22/9/2024 của Hội đồng khoa học Công ty cổ phần D.

Về án phí**:** Áp dụng điểm a khoản 1 điều 24; khoản 2, khoản 7, và khoản 9 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị đơn anh Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 75.000đ.

Nguyên đơn chị Phạm Thị Đ1 được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- Đương sự
- VKSND Cẩm thuỷ
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Thị Ánh Tuyết**